TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20/02/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vương Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Kim Liên.

ông Nguyễn Văn Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Trung Hiếu** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Vũ Văn C, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Nơi ĐKHKTT: thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2022, Bản tự khai ngày 21/10/2022, và Đơn xin xét xử vắng mặt, Nguyên đơn anh Vũ Văn C trình bày: anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 29/8/1998 tại UBND xã Đ, huyện Q (nay là huyện H), tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sinh sống hạnh phúc đến cuối 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 06 năm 2018 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: quá trình chung sống, anh và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là cháu Vũ Văn T1, sinh ngày 19/12/1998, Vũ Thị T2, sinh ngày 29/4/2003 và cháu Vũ Thị N, sinh ngày 01/9/2012. Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Thị N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Đối với cháu Vũ Văn T1 và Vũ Thị T2 hiện nay đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết; Về tài sản chung: quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Về án phí: anh xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nguyễn Thị T. Nhưng chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Ngày 26/10/2022, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: anh C và chị T đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 8 năm 1998 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, (huyện Q), nay là huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2003 thì anh C, chị T phát sinh mâu thuẫn, anh C và chị T ly thân từ tháng 06 năm 2018 đến nay. Hiện nay anh C và chị T không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: quá trình chung sống, anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là cháu cháu Vũ Văn T1, sinh ngày 19/12/1998, Vũ Thị T2, sinh ngày 29/4/2003 và cháu Vũ Thị N, sinh ngày 01/9/2012. Hiện nay cháu T1 và cháu T2 đã trưởng thành, lấy vợ, lấy chồng và ở riêng. Cháu N hiện do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Ngày 28/10/2022, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Vũ Thị N, được biết: anh C và chị T đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Hiện nay chị T đi làm việc ở M nhưng vẫn liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương; cháu N đang ở với anh C, do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố là anh Vũ Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Vũ Văn C: Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T. Về con chung: hiện cháu Vũ Thị N đang ở với anh C, do anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, do đó đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh Vũ Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung: anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung và nợ chung, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Nguyên đơn Vũ Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là chị Nguyễn Thị T. Nhưng chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử

vắng mặt chị T, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/8/1998 tại UBND xã Đ, (huyện Q), nay là huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị T phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Vợ, chồng sống mỗi người một nơi và ly thân từ tháng 06 năm 2018 đến nay. Việc chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án cho thấy chị T cũng không có ý thức xây dựng gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh C và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là cháu Vũ Văn T1, sinh ngày 19/12/1998, Vũ Thị T2, sinh ngày 29/4/2003 và cháu Vũ Thị N, sinh ngày 01/9/2012. Quá trình giải quyết vụ án, anh C đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T nhận thấy, thực tế cháu Vũ Thị N đã và đang ở với anh C, do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 06/2018 đến nay. Khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, ghi nhận ý kiến của cháu N thấy rằng cháu N có nguyện vọng muốn ở cùng bố là anh Vũ Văn C. Xét điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của anh Vũ Văn C về việc nuôi con, đồng thời để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý của trẻ em, cần giao cháu Vũ Thị N cho anh Vũ Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn C về vấn đề con chung, giao cháu Vũ Thị N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2023 đến khi cháu trưởng

thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Đối với cháu Vũ Văn T1 và Vũ Thị T2 hiện đã trưởng thành, lấy vợ, lấy chồng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn anh Vũ Văn C phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Anh Vũ Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: giao cháu Vũ Thị N, sinh ngày 01/09/2012 cho anh Vũ Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 02/2023 đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: anh Vũ Văn C có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0013595 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Anh Vũ Văn C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu VP; hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Thanh